TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2023
V/v *tranh chấp "ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ba;

2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp *"ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Đỗ Tùng D, sinh năm 1992. *Có mặt.*

2. Bị đơn: chị Trịnh Thị H, sinh năm 1990. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Trịnh Thị H tự nguyện kết hôn vào năm 2013, được Ủy ban nhân dân xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 18/02/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân hơn 01

năm. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: có 02 cháu tên Đỗ Trịnh Bảo T, sinh ngày 06/5/2013 và Đỗ Trịnh Bảo Th, sinh ngày 20/01/2017. Hiện nay, các cháu T, Th đang sống cùng với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con của anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: chị H cư trú tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Anh D yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp *"ly hôn và nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: anh D và chị H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 18/02/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh D trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D cương quyết xin ly hôn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh

D. Tại biên bản xác minh ngày 14/02/2023, Công an xã Quế Phong cung cấp: *"hiện nay, anh D vẫn cư trú tại địa phương; chị H hiện vắng mặt tại địa phương, chị đi làm ăn ở nơi khác nhưng vẫn thường xuyên về tại địa phương nơi cư trú"*. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh D, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D.

[2.2]. Về con chung: anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu T, Th. Hiện nay, các cháu T, Th đang sống cùng anh D. Chị H vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu nuôi con của anh D. Việc yêu cầu nuôi con của anh D là tự nguyện và chính đáng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, giao các cháu T, Th cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: anh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Tùng D về việc tranh chấp *"ly hôn và nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Đỗ Tùng D và chị Trịnh Thị H.

2. Về con chung: giao các cháu Đỗ Trịnh Bảo T, sinh ngày 06/5/2013 và Đỗ Trịnh Bảo Th, sinh ngày 20/01/2017 cho anh D trực triếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng anh D phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh D đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004938 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28 - 6 - 2023), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Phong
(Giấy CNKH số 11 ngày 18/02/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ